

Cho cơ sở dữ liệu sau:

Nhacungcap (maNCC, tenNCC, trangthai, thanhpho)

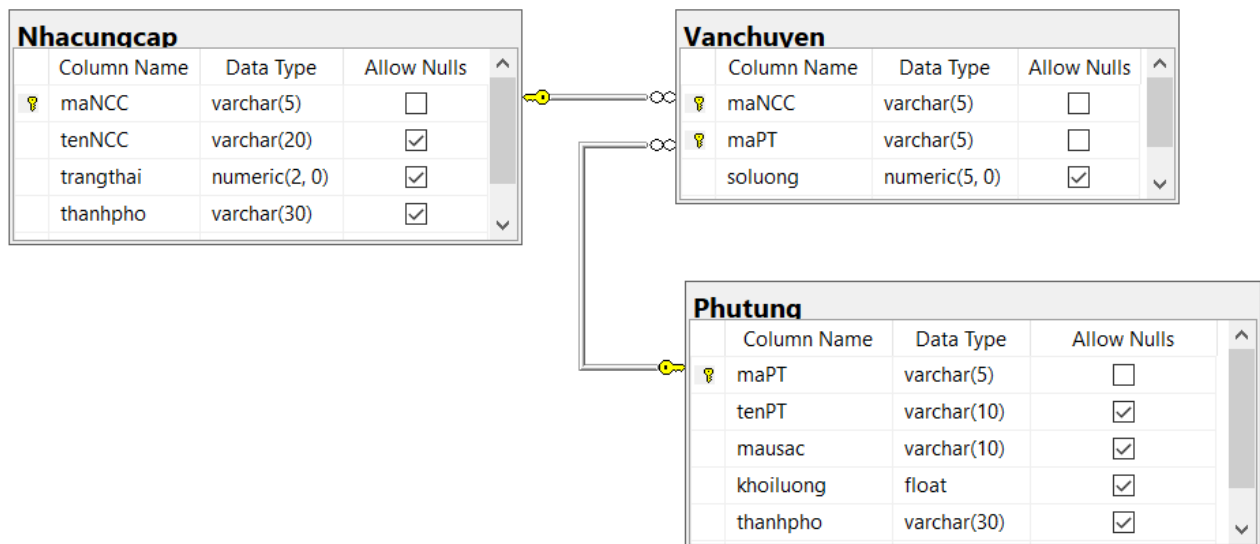
'Nhà cung cấp' cung cấp các dịch vụ vận chuyển: bao gồm mã nhà cung cấp, tên nhà cung cấp, trạng thái, thành phố.

Phutung (maPT, tenPT, mausac, khoiluong, thanhpho)

Thông tin phụ tùng gồm: mã phụ tùng, tên phụ tùng, màu sắc, khối lượng, thành phố.

Vanchuyen (maNCC, maPT, soluong)

Lưu trữ thông tin nhà cung cấp dịch vụ vận chuyển những phụ tùng nào, số lượng là bao nhiêu.



Viết câu lệnh SQL

1. Hiển thị thông tin (maNCC, tenNCC, thanhpho) của tất cả nhà cung cấp.
2. Hiển thị thông tin của tất cả các phụ tùng.
3. Hiển thị thông tin các nhà cung cấp ở thành phố London.
4. Hiển thị mã phụ tùng, tên và màu sắc của tất cả các phụ tùng ở thành phố Paris.
5. Hiển thị mã phụ tùng, tên, khối lượng của những phụ tùng có khối lượng lớn hơn 15.
6. Tìm những phụ tùng (maPT, tenPt, mausac) có khối lượng lớn hơn 15, không phải màu đỏ (red).

7. Tìm những phụ tùng (maPT, tenPt, mausac) có khối lượng lớn hơn 15, màu sắc khác màu đỏ (red) và xanh (green).
8. Hiển thị những phụ tùng (maPT, tenPT, khối lượng) có khối lượng lớn hơn 15 và nhỏ hơn 20, sắp xếp theo tên phụ tùng.
9. Hiển thị những phụ tùng được vận chuyển bởi nhà cung cấp có mã số S1. Không hiển thị kết quả trùng. (sử dụng phép kết).
10. Hiển thị những nhà cung cấp vận chuyển phụ tùng có mã là P1 (sử dụng phép kết).
11. Hiển thị thông tin nhà cung cấp ở thành phố London và có vận chuyển phụ tùng của thành phố London. Không hiển thị kết quả trùng. (Sử dụng phép kết)
12. Lặp lại câu 9 nhưng sử dụng toán tử IN.
13. Lặp lại câu 10 nhưng sử dụng toán tử IN
14. Lặp lại câu 9 nhưng sử dụng toán tử EXISTS
15. Lặp lại câu 10 nhưng sử dụng toán tử EXISTS
16. Lặp lại câu 11 nhưng sử dụng truy vấn con. Sử dụng toán tử IN.
17. Lặp lại câu 11 nhưng dùng truy vấn con. Sử dụng toán tử EXISTS.
18. Tìm nhà cung cấp chưa vận chuyển bất kỳ phụ tùng nào. Sử dụng NOT IN.
19. Tìm nhà cung cấp chưa vận chuyển bất kỳ phụ tùng nào. Sử dụng NOT EXISTS.
20. Tìm nhà cung cấp chưa vận chuyển bất kỳ phụ tùng nào. Sử dụng outer JOIN (Phép kết ngoài)
21. Có tất cả bao nhiêu nhà cung cấp?
22. Có tất cả bao nhiêu nhà cung cấp ở London?
23. Hiển thị trị giá cao nhất, thấp nhất của trạng thái của các nhà cung cấp.
24. Hiển thị giá trị cao nhất, thấp nhất của trạng thái trong table nhacungcap ở thành phố London.
25. Mỗi nhà cung cấp vận chuyển bao nhiêu phụ tùng? Chỉ hiển thị mã nhà cung cấp, tổng số phụ tùng đã vận chuyển.
26. Mỗi nhà cung cấp vận chuyển bao nhiêu phụ tùng? Hiển thị mã nhà cung cấp, tên, thành phố của nhà cung cấp và tổng số phụ tùng đã vận chuyển

27. Nhà cung cấp nào đã vận chuyển tổng cộng nhiều hơn 500 phụ tùng? Chỉ hiển thị mã nhà cung cấp
28. Nhà cung cấp nào đã vận chuyển nhiều hơn 300 phụ tùng màu đỏ (red). Chỉ hiển thị mã nhà cung cấp.
29. Nhà cung cấp nào đã vận chuyển nhiều hơn 300 phụ tùng màu đỏ (red). Hiển thị mã nhà cung cấp, tên, thành phố và số lượng phụ tùng màu đỏ đã vận chuyển.
30. Có bao nhiêu nhà cung cấp ở mỗi thành phố.
31. Nhà cung cấp nào đã vận chuyển nhiều phụ tùng nhất. Hiển thị tên nhà cung cấp và số lượng phụ tùng đã vận chuyển.
32. Thành phố nào có cả **nhà cung cấp** và **phụ tùng**.
33. Viết câu lệnh SQL để insert nhà cung cấp mới: S6, Duncan, 30, Paris.
34. Viết câu lệnh SQL để thay đổi thành phố S6 (ở câu 33) thành Sydney.
35. Viết câu lệnh SQL tăng trạng thái của nhà cung cấp ở London lên thêm 10.
36. Viết câu lệnh SQL xóa nhà cung cấp S6